

TAND TỈNH TN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TAND TP TN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 444/2020/HSST

Ngày: 28/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN – TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Huệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn 2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ Toà án nhân dân TP TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP TN tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 453/2020/HSST ngày 10/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2020/QĐXXST - HS ngày 11/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Thị G; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 3 năm 1990 tại TN; ĐKKHKT: Tổ 20, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trương Quang C, sinh năm 1964; Con bà: Lưu Thị T, sinh năm 1964; Gia đình có 03 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 03; Chồng: Bùi Duy T, sinh năm 1991; Con: Có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (không bị tạm giữ, tạm giam). Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Bùi Duy T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27 tháng 3 năm 1991; Nơi cư trú: Tổ 20, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Bùi Xuân Q, sinh năm 1962; Con bà: Phan Thị Bích N, sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Trương Thị G, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án số 97/2011/HSST ngày 15/4/2011, Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma T1y”. Chấp hành xong án phí ngày 19/7/2011. Ra trại ngày 08/12/2012.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (không bị tạm giữ, tạm giam). Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: 1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm KS, xã TS, huyện VN, TN.

Người làm chứng:

1. Anh Trần Anh T1, sinh năm 2001 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 6, phường CG, thành phố TN, TN.
2. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1998 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm T, xã BT, huyện Đ T, tỉnh TN
3. Anh Phan Trọng C, sinh năm 2001 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 8, phường TT, thành phố TN, TN
4. Chị Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 5, phường PDP, TP TN, TN.
5. Anh Dương Văn Q, sinh năm 1992 (Có mặt)
Địa chỉ: Xóm K V, xã LH, huyện VN, TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do chị Hoàng Thị H và chị Trương Thị Bình có mâu thuẫn với nhau ở nơi làm việc, chị Bình về nhà tâm sự với em gái là Trương Thị G và nhờ G nói chuyện với H để giải quyết mâu thuẫn, G về nói chuyện với Bùi Duy T là chồng G. Khoảng 20 giờ ngày 30/12/2019 T điện thoại cho H, H cho biết mình đang ở quán “Tmore” cùng anh Dương Văn Q (sinh năm 1992, HKTT: Xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh TN, là người yêu của H), anh Trần Hoàng Đ (sinh năm 1992, HKTT: Tổ 11, phường Phú Xá, thành phố TN) và một nam thanh niên tên Thế Anh (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Bùi Duy T cùng vợ là Trương Thị G, một nam thanh niên tên T và một nam thanh niên tên Thắng là bạn xã hội với Bùi Duy T đến và xuống xe đi vào khu vực bàn của chị H đang ngồi. Khi đến nơi Bùi Duy T hỏi chị H “Mày phải H không”, chị H trả lời “Phải” rồi T dùng tay phải tát một cái vào má phải của chị H, sau đó Q, Đ và Thế Anh đều đứng dậy lao vào đánh Bùi Duy T nhưng không trúng, lúc này T (nhà ở Đại Từ) cũng lao vào đánh nhau với Q và Đ. Chị H bị G dùng tay phải tát vào mặt rồi T1m tóc kéo đầu chị H xuống, lúc này Bùi Duy T lao vào dùng chân phải đá theo chiều từ dưới lên trên 03 cái vào vùng mặt của chị H. Do có mọi người can ngăn nên T và G không đánh chị H nữa. Sau đó G yêu cầu chị H ngồi xuống ghế để nói chuyện nhưng chị H không ngồi nên G lao vào dùng tay phải T1m tóc và giật đầu chị H xuống, Bùi Duy T lao vào dùng hai tay cầm đầu chị H và dúi xuống khiến chị H bị ngã nằm ra đất, T tiếp tục dùng chân phải đạp theo chiều từ trên xuống 01 cái vào mặt của chị H, sau đó G dùng tay phải cầm một cốc bằng thủy tinh ở bàn uống nước của quán trà chanh “Tmore” ném theo chiều từ trên xuống về phía đầu chị H nhưng không trúng, G tiếp tục cầm cốc thứ 02 ném trúng vào vùng mặt của chị H khiến chị H bị thương tích. Khi đánh nhau với nhóm của T thì Q bị T dùng gậy bóng chày màu đen, dài khoảng 60cm vụt một cái vào vùng vai phải và bị T (nhà ở Đại Từ) dùng chân phải đá vào mặt, Đ bị 01 vết rách dài khoảng 03 cm trên đỉnh đầu (Đ không biết ai đánh). Sau khi sự việc chấm dứt chị H được đưa vào Bệnh viện Trung Ương TN điều trị.

Hậu quả:

- Chị Hoàng Thị H bị 01 vết thương sống mũi KT 6x0,5x0,5cm, chảy nhiều máu, nhiều dị vật; 01 vết thương trán dài khoảng 1cm; 01 vết thương vùng má trái chảy nhiều máu, nhiều dị vật, KT 6x1x1cm.

- Anh Dương Văn Q bị đa tổn thương nông nhiều vùng cơ thể.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 58/TgT ngày 06/02/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế TN kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho chị Hoàng Thị H là **9%** (Chín phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: Do vật có cạnh sắc gây nên.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 74/TgT ngày 13/02/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế TN kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho anh Dương Văn Q là **0%** (Không phần trăm).

Tại Cơ quan điều tra, Trương Thị G, Bùi Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản sự việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Lời khai của bị hại; Lời khai người làm chứng; Vật chứng thu giữ; Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Hoàng Thị H yêu cầu hai bị cáo bồi thường tổng số tiền 35.138.000 đồng, các bị cáo không nhất trí bồi thường.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000 thì bị hại rút yêu cầu khởi tố, hai bị cáo không nhất trí bồi thường, vì vậy chị H yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị tổng số tiền là 40.900.000 đồng bao gồm: tiền viện phí (trong đó có tiền điều trị và tiền bồi dưỡng sức khỏe, chi phí đi lại) là 10.000.000 đồng; tiền mất thu nhập thực tế là 10.000.000 đồng; tiền trị sẹo 6.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 14.900.000 đồng. Hai bị cáo cũng không nhất trí bồi thường và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) cốc thủy tinh bị vỡ phần miệng cốc, có kích thước cao 14cm, đường kính đáy cốc 5,5cm, đã qua sử dụng. Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 466/CT- VKSTPTN, ngày 10/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN đã truy tố các bị cáo Trương Thị G và Bùi Duy T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trương Thị G và Bùi Duy T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Trương Thị G từ 9 đến 12 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Bùi Duy T từ 12 đến 15 tháng tù.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) cốc thủy tinh bị vỡ phần miệng cốc, có kích thước cao 14cm, đường kính đáy cốc 5,5cm, đã qua sử dụng.

Phân trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại.

Các bị cáo phải chịu án phí. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan, các bị cáo xin chịu trách nhiệm trước pháp luật với hành vi của mình gây ra, các bị cáo không nhất trí về phần bồi thường mà bị hại đề nghị. Bị hại đề nghị xét xử nghiêm minh đúng quy định của pháp luật đối với hành vi của các bị cáo gây ra, các bị cáo không có ý thức bồi thường, khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 30/12/2019, tại khu vực tổ 02, phường Hương Sơn, thành phố TN, tỉnh TN, Bùi Duy T có hành vi dùng chân tay T1m tóc, đâm đá vào mặt làm chị Hoàng Thị H ngã ra để Trương Thị G dùng cốc thủy tinh ném vào mặt, gây thương tích cho chị H với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 9%. Chị Hoàng Thị H có đơn đề nghị khởi tố vụ án, truy cứu trách

nhiệm hình sự đối với Trương Thị G, Bùi Duy T. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho chị H.

Hành vi của bị cáo G và bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án, hai bị cáo không có sự phân công bàn bạc trước, hành động bộc phát, cả hai cùng là người thực hành phạm tội tuy nhiên bị cáo G dùng hung khí nguy hiểm gây ra thương tật chủ yếu cho chị H, vì vậy bị cáo G có vai trò chính.

[5] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS mà các bị cáo được hưởng:

- Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới tính mạng và sức khỏe của công dân được nhà nước bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo G không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Bị cáo T không có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma T1y nhưng T không chịu lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là coi thường pháp luật, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, song không có ý thức khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại, vì vậy khi lượng hình căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHH, hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết trong vụ án HĐXX sẽ áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đề nghị hình phạt với bị cáo G xét thấy là chưa phù hợp với tính chất và mức độ hành vi của bị cáo gây ra nên không chấp nhận, mức đề nghị đối với bị cáo T là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) cốc thủy tinh bị vỡ phần miệng cốc, có kích thước cao 14cm, đường kính đáy cốc 5,5cm, đã qua sử dụng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Hoàng Thị H yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền 40.900.000 đồng bao gồm: tiền viện phí (trong đó có tiền điều trị và tiền bồi dưỡng sức khỏe, chi phí đi lại) là 10.000.000 đồng; tiền mất thu nhập thực tế là 10.000.000 đồng; tiền trị sẹo 6.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 14.900.000 đồng. Hai bị cáo không nhất trí bồi thường số tiền trên.

Xét đề nghị của chị Hoàng Thị H HĐXX thấy:

Tính ngày công lao động của chị H HĐXX căn cứ vào 3 tháng lương gần nhất T10,11,12/2019 của chị H để tính là: 353.000đ/ 1 ngày công (cách tính: trung bình là 3 tháng lương gần T10,11,12/2019 chia 3 và chia cho 30 ngày).

Đối với yêu cầu tiền viện phí và tiền bồi dưỡng sức khỏe: Chị Hoàng Thị H cung cấp giấy ra viện, các phiếu thu, hóa đơn có tổng số tiền là 2.337.383 đồng, khoản tiền này là viện phí điều trị thực tế của chị H từ ngày 30/12/2019 đến ngày 06/01/2020 nên HĐXX chấp nhận. Ngoài ra chị H yêu cầu bồi dưỡng sức khỏe trong 14 ngày, căn cứ vào giấy ra viện, chỉ định của bác sĩ, xét thấy yêu cầu này là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, HĐXX căn cứ vào thu nhập thực tế của chị H (ngày công lao động) để tính tiền bồi dưỡng sức khỏe: $353.000\text{đ}/\text{ngày công} \times 14 \text{ ngày} = 4.945.253 \text{ đồng}$. Vì vậy, HĐXX chấp nhận tổng tiền viện phí và tiền bồi dưỡng sức khỏe là: 7.282.636 đồng.

Đối với số tiền thu nhập thực tế bị mất: Chị H yêu cầu một tháng lương thu nhập của chị H, tuy nhiên HĐXX thấy rằng chị H điều trị tại viện 7 ngày, và nghỉ 7 ngày theo chỉ định của bác sĩ, trong 14 ngày bị cáo không đi làm không được công ty trả lương vì vậy HĐXX chỉ tính tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại là 14 ngày: $353.000\text{đ}/1 \text{ ngày công} \times 14 \text{ ngày} = 4.945.253 \text{ đồng}$. Việc chị H nghỉ làm không theo chỉ định của bác sĩ HĐXX không chấp nhận.

Đối với số tiền điều trị sẹo thẩm mỹ: Chị Hoàng Thị H cung cấp hai phiếu thu điều trị sẹo tổng số tiền là: 5.916.000đ, số tiền này là số tiền thực tế mà chị H điều trị và phù hợp với pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với số tiền tổn thất tinh thần: Từ khi xảy ra sự việc đến nay (là 10 tháng), bị hại phải chịu nhiều thiệt hại, vết sẹo để lại trên mặt ảnh hưởng đến thẩm mỹ, giao tiếp của bị hại, hiện bị hại đã nghỉ làm tại công ty Sam sung, bị hại yêu cầu bồi thường số tiền là 14.900.000 đồng tương đương với 10 tháng lương cơ bản, xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp với pháp luật và phù hợp với thực tế nên chấp nhận.

Như vậy, căn cứ Điều 590 BLDS, vận dụng nghị Quyết số 03/2006/NQ - HĐTP ngày 08/7/2006 của HĐTP, buộc bị cáo G và bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Hoàng Thị H tổng số tiền là: 33.043.889 đồng. Tại phiên tòa bị cáo G và bị cáo T thỏa thuận trách nhiệm bồi thường chia đôi. Vì vậy, buộc mỗi bị cáo G và bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường chị H số tiền 16.521.944 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm hai mươi một ngàn, chín trăm bốn mươi bốn đồng).

[9] Những vấn đề khác: Đối với hai nam thanh niên tên Thắng và T trong nhóm của bị cáo G và T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý.

Đối với thương tích của anh Trần Hoàng Đ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định và tiến hành triệu tập anh Đ đi giám định thương tích nhiều lần nhưng anh Đ không có mặt tại địa phương và không đến để đi giám định thương tích đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với anh Dương Văn Q là người có hành vi dùng chân tay không đánh nam thanh niên tên T, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của nam thanh niên trên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý.

Đối với chị Trương Thị Bình, quá trình điều tra xác định Bình không thuê, nhờ Trương Thị G và Bùi Duy T đánh gây thương tích cho chị H nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[10]. Các bị cáo phải nộp án phí HSST. Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bồi các lễ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 134; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Trương Thị G 15 (Mười lăm) tháng tù về tội: *“Cố ý gây thương tích”*.

Thời gian chấp hành kể từ ngày bị cáo thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 134; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Bùi Duy T 12 (Mười hai) tháng tù, về tội: *“Cố ý gây thương tích”*.

Thời gian chấp hành kể từ ngày bị cáo thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) cốc thủy tinh bị vỡ phần miệng cốc, có kích thước cao 14cm, đường kính đáy cốc 5,5cm, đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 497 ngày 10/9/2020).

4. Về phân trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590BLDS buộc bị cáo G có trách nhiệm bồi thường cho chị Hoàng Thị H số tiền: 16.521.944 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm hai mươi một ngàn, chín trăm bốn mươi bốn đồng); buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho chị Hoàng Thị H số tiền 16.521.944 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm hai mươi một ngàn, chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo G, bị cáo T không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng bị cáo G, bị cáo T còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí toà án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 826.000 đồng (Tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- Công an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo; bị hại, NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Thị Minh Huệ